

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Năm 2026

Tên:

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Loại hình: Công ty Trách nhiệm hữu hạn

Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý: Sở nội vụ Thành Phố Hà Nội

Địa chỉ: 19A Ngõ 227/9 Thạch Bàn, P Long Biên, TP Hà Nội

Điện thoại:

TT	Các chỉ tiêu trong kỳ báo cáo	ĐVT	Số liệu
A	Báo cáo chung		
1	Lao động		
	1.1. Tổng số lao động	Người	27
	- Trong đó:		
	+ Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Người	0
	+ Người làm công tác y tế	Người	0
	+ Lao động nữ	Người	18
	+ Lao động làm việc trong Điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại IV, V, VI)	Người	0
	+ Lao động là người chưa thành niên	Người	0
	+ Người dưới 15 tuổi	Người	0
	+ Người khuyết tật	Người	0
	+ Lao động là người cao tuổi	Người	0
2	Tai nạn lao động		
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	0

	+ Trong đó, số vụ có người chết	Vụ	0
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	0
	+ Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động	Người	0
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, Điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	0
3	Bệnh nghề nghiệp		
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời Điểm báo cáo	Người	0
	Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp	Người	0
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	0
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các Khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: Điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
4	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+ Loại I	Người	4
	+ Loại II	Người	0
	+ Loại III	Người	0
	+ Loại IV	Người	0
	+ Loại V	Người	0
5	Huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động		
	a) Tổng số người nhóm 1 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 1 hiện có	Người/ người	
	b) Tổng số người nhóm 2 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 2 hiện có	Người/ người	
	c) Tổng số người nhóm 3 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 3 hiện có	Người/ người	
	Trong đó:	Người	

	- Tự huấn luyện		
	- Thuê tổ chức cung cấp dịch vụ huấn luyện	Người	0
	d) Tổng số người nhóm 4 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 4 hiện có	Người/ người	0
	đ) Tổng số người nhóm 5 được huấn luyện/ tổng số người nhóm 5 hiện có	Người/ người	0
	e) Tổng số người nhóm 6 được huấn luyện/tổng số người nhóm 6 hiện có	Người/ người	0
	g) Tổng chi phí huấn luyện	Triệu đồng	0
6	Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động		
	- Tổng số	Cái	0
	- Trong đó:		
	+ Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ đang được sử dụng	Cái	0
	+ Số đã được kiểm định	Cái	0
	+ Số chưa được kiểm định	Cái	0
	+ Số đã được khai báo	Cái	0
	+ Số chưa được khai báo	Cái	0
7	Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi		
	- Tổng số người làm thêm trong năm	Người	0
	- Tổng số giờ làm thêm trong năm	Giờ	0
	- Số giờ làm thêm cao nhất trong 01 tháng	Giờ	0
8	Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật		
	- Tổng số người	Người	0
	- Tổng chi phí (Chi phí này nằm trong Chi phí chăm sóc sức khỏe nêu tại Điểm 10)	Triệu đồng	0
9	Tình hình quan trắc môi trường lao động		
	- Số mẫu quan trắc môi trường lao động	Mẫu	0
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn	Mẫu	0

	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép/Tổng số mẫu đo + Nhiệt độ + Bụi + Ôn + Rung + Hơi khí độc + ...	Mẫu/mẫu	0
10	Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động		
	- Các biện pháp kỹ thuật an toàn	Triệu đồng	0
	- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	Triệu đồng	0
	- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	Triệu đồng	0
	- Chăm sóc sức khỏe người lao động	Triệu đồng	0
	- Tuyên truyền, huấn luyện	Triệu đồng	0
	- Huấn luyện PCCC	Triệu đồng	0
11	Tổ chức cung cấp dịch vụ:		
	a) Dịch vụ về an toàn, vệ sinh lao động được thuê theo quy định tại Khoản 5 Điều 72 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)	Tên tổ chức	
	b) Dịch vụ về y tế được thuê theo quy định tại Khoản 5 Điều 73 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)	Tên tổ chức	
12	Thời Điểm tổ chức tiến hành đánh giá định kỳ nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động	Tháng, năm	
13	Đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại theo quy định tại Điều 7 Nghị định 39/2016/NĐ-CP	Có/Không	Không
	Nếu có đánh giá thì:		
	a) Số lượng các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đã được nhận diện trong kỳ đánh giá	Yếu tố	0
	b) Số lượng các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đã được cải thiện trong năm	Yếu tố	0

Hà Nội, ngày 5 tháng 7 năm 2026

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)